

NGUYỄN VĂN MY

VIỆT DỊCH
CHÁNH TÔNG

1) CÁCH LẬP THÀNH QUẺ DỊCH

1) Lấy năm, Tháng, Ngày, Giờ âm lịch đổi ra số thứ tự:

- Năm Tý: 1, Sửu: 2, Dần: 3, Mão: 4, Thìn: 5, Ty: 6, Ngọ: 7, Mùi: 8, Thân: 9, Dậu: 10, Tuất: 11, Hợi: 12.
- Tháng giêng: 1, tháng Hai: 2, tháng Ba: 3, tháng Tư: 4 ... Tháng chạp: 12.
- Ngày mùng một: 1, ngày mùng hai: 2 ... ngày ba mươi: 30.
- Giờ:
 - + Giờ Tý (từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng): 1
 - + Giờ Sửu (từ 1 đến 3 giờ sáng): 2
 - + Giờ Dần (3 - 5 giờ sáng): 3
 - + Giờ Mão (5 - 7 giờ sáng): 4
 - + Giờ Thìn (7 - 9 giờ sáng): 5
 - + Giờ Tị (9 - 11 giờ sáng): 6
 - + Giờ Ngọ (11 giờ trưa - 1 giờ chiều): 7
 - + Giờ Mùi (1 - 3 giờ chiều): 8
 - + Giờ Thân (3 - 5 giờ chiều): 9
 - + Giờ Dậu (5 - 7 giờ tối): 10
 - + Giờ Tuất (7 - 9 giờ tối): 11
 - + Giờ Hợi (9 - 11 giờ đêm): 12.

2) Cộng số của Năm, Tháng, Ngày (muốn biết) thành một tổng số.

3) Cộng số của Năm, Tháng, Ngày, Giờ (muốn biết) thành một tổng số.

4) Chia hai tổng số cho 8, rồi đổi số dư còn lại ra đơn quái (xin xem số của đơn quái ở dưới). Nếu tổng số dưới 8 thì khỏi cần chia.

Lưu ý:

- Chia tổng số của Năm, Tháng, Ngày cho 8 làm thượng quái trước.
- Tổng số của Năm, Tháng, Ngày đó cộng thêm giờ vào rồi chia cho 8 làm hạ quái sau.
- Mỗi đơn quái chỉ có ba vạch.

5) Ghép hai quái đơn đó thành chính tượng (quẻ kép):

- Thượng quái ở trên.
- Hạ quái ở dưới.

6) Lập hộ tượng (quẻ hộ, quẻ hổ):









- Theo thứ tự của sáu vạch từ dưới lên, lấy hào 5, 4, 3 lập thành thượng quái của hộ tượng.
- Lấy hào 4, 3, 2 lập thành hạ quái của hộ tượng.

7) Biến tượng:

- lấy tổng số của Năm, Tháng, Ngày, Giờ chia cho 6 tìm số dư, đó là hào động của quẻ (1 là hào 1 động, 2 là hào 2 động, ... 6 là hào 6 động). Hào động là hào ấy phải biến, vạch liền (—) biến thành vạch đứt (---), vạch đứt (---) biến thành vạch liền (—).
- Chép nguyên lại các vạch của chính tượng (quẻ chính), trừ hào động thì ghi vạch đã biến của nó, làm thành biến tượng (quẻ biến).

8) Khi lập xong chính, hộ, biến tượng phải hiểu cho tường tận ý nghĩa của dịch tượng trước khi đưa ra sử dụng.

2) Ý TƯỢNG SƠ GIẢI CỦA TÁM TƯỢNG ĐƠN

SỐ - DỊCH TƯỢNG	TÊN TƯỢNG (QUẺ)	Ý TƯỢNG
1 - 	CÀN vi thiên	CƯƠNG KIẾN, kiên dã, mạnh mẽ, mạnh tiến, cứng mạnh
2 - 	ĐOÀI vi trạch	HIỆN ĐẸP. Duyệt dã, vui lòng, đẹp đẽ, ưa thích, khuyết mẻ, nói năng.
3 - 	LY vi Hoả	SÁNG CHÓI. lệ dã, sáng sủa, toả ra, bám vào, phụ vào, trung bày, phô trương, trống trơn, không yên.
4 - 	CHẤN vi Lôi	ĐỘNG DỤNG. Động dã, rung động, khởi lên, sợ hãi, phấn phát, nổ vang, chấn động, chấn kinh.
5 - 	TỐN vi phong	THUẬN NHẬP. Thuận dã, thuận theo ý trên, theo lên, theo xuống, theo tới, theo lui, có sự dấu diếm ở trong.
6 - 	KHẨM vi Thuỷ	HÃM HIỂM. Hãm dã, hãm vào trong, bắt buộc, xuyên sâu vào trong, hổ sâu, trắc trở, hiểm hóc, gặp ghèngh.
7 - 	CẤN vi Sơn	NGỪNG NGHỈ. Chi dã, ngăn giữ, ở, thôi, ngừng lại, đậy lại, để dành, ngăn cấm, vừa đúng chỗ.
8 - 	KHÔN vi Địa	NHU THUẬN. Thuận dã, mềm mỏng, thuận tòng, hoà theo lẽ, chịu lấy, tuân theo mà được lợi, thấp, nhỏ, tối, ...

CON TIẾP